

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 259/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 11 – 2023

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Công Minh

2. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D. Sinh năm: 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Lung D, Xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Lê Tứ Ph. Sinh năm: 1962. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Lung D, Xã Lý Văn L, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Lê Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và ông Lê Tứ Ph tự nguyện tìm hiểu và thống nhất chung sống với nhau vào năm 1988, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống gần đây đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Tứ Ph.

Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Huỳnh Tr, sinh ngày 17/02/1990, con tên Lê Chí T, sinh ngày 12/4/1992; con tên Lê Huỳnh Ng, sinh ngày 16/5/1994; con tên Lê Văn V, sinh ngày 16/6/1998. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

* Tại bản tự khai ngày 20/10/2023, ông Lê Tứ Ph trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị D sống chung từ năm 1989 cho đến nay và không có đăng ký kết hôn. Nay bà D xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Huỳnh Tr, sinh ngày 17/02/1990, con tên Lê Chí T, sinh ngày 12/4/1992; con tên Lê Huỳnh Ng, sinh ngày 16/5/1994; con tên Lê Văn V, sinh ngày 16/6/1998. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc cá nhân nên tôi xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ph đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Ph theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Lê Tứ Ph chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa bà D cương quyết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy do bà D và ông Ph không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà D và ông Ph đều xác định quá trình chung sống ông, bà có 04 người con chung tên Lê Huỳnh Tr, sinh ngày 17/02/1990, con tên Lê Chí T, sinh ngày 12/4/1992; con tên Lê Huỳnh Ng, sinh ngày 16/5/1994; con tên Lê Văn V, sinh ngày 16/6/1998. Hiện các con đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Xét thấy mặc dù quan hệ hôn nhân giữa bà D, ông Ph không được pháp luật công nhận, nhưng ông, bà vẫn có quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, các con ông, bà đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà D và ông Ph xác định tự thỏa thuận và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà D và ông Ph xác định không có và không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị D và ông Lê Tứ Ph là vợ chồng.
- Về con chung: Có 04 người con chung gồm: Lê Huỳnh Tr, sinh ngày 17/02/1990; Lê Chí T, sinh ngày 12/4/1992; Lê Huỳnh Ng, sinh ngày 16/5/1994; Lê Văn V, sinh ngày 16/6/1998. Hiện các con đã trưởng thành có khả năng lao động nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà D và ông Ph xác định tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà D và ông Ph xác định không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000đ. Ngày 12/10/2023 bà D đã nộp tạm ứng 300.000đ tại lai số 0008452 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu ngân sách nhà nước.

Bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Lý Văn Lâm, Tp.Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Xuyên